

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ VÀ TÁI CHẾ MÔI TRƯỜNG XANH KINH BẮC

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ VÀ TÁI CHẾ MÔI TRƯỜNG XANH KINH BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KINH BAC ENVIRONMENTAL TREATMENT AND RECYCLING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KBET&R.JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2301217578

3. Ngày thành lập: 15/08/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà riêng Bà Nguyễn Thị Hiền, Khu Bãi Cát - Cầu Ngà, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0985859966

Fax:

Email: thach486@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659
9.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác	4662
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
13.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
14.	Trồng cây ăn quả	0121
15.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128

16.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
17.	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng; Chăn nuôi gia cầm khác	0146
18.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
19.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
20.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
21.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
22.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
23.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động đo đạc và bản đồ; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110
24.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
25.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
26.	Bán buôn tổng hợp	4690
27.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
28.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
29.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
30.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
31.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
32.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
33.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: Sản xuất biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
35.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
36.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
37.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
38.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
39.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
40.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
41.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
42.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
43.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
44.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
45.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
46.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
47.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
48.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

49.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
50.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
51.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
52.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
53.	Thu gom rác thải độc hại	3812
54.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821(Chính)
55.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
56.	Tái chế phế liệu	3830
57.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
58.	Xây dựng nhà để ở	4101
59.	Xây dựng nhà không để ở	4102
60.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
61.	Xây dựng công trình điện	4221
62.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
63.	Xây dựng công trình thủy	4291
64.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
65.	Phá dỡ	4311
66.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
67.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
68.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
69.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐÀO MAI ANH	Xóm Mới, thôn Cao Xá, Xã Cao An, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	0011800078 76	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		
2	PHẠM THỊ OANH	Số nhà 133, đường Đặng Thai Mai, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	142156400	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		

3	NGUYỄN THỊ THUẬN	40/38 Trịnh Hoài Đức, khu 3, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	0301850122 22
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000	
4	NGUYỄN VĂN THẠCH	Xóm Mới, thôn Cao Xá, Xã Cao An, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	45,000	0300780026 42
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	45,000	
5	NGUYỄN VĂN TÙNG	Thôn Trầm, Thị trấn Lai Cách, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	0300860111 53
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THẠCH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 06/09/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030078002642

Ngày cấp: 21/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 61 Hà Trì 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Mới, thôn Cao Xá, Xã Cao An, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh